

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **640/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/9/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Y

Ông Tạ Công Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T L 1, xã T L Đ, huyện Châu Thành, Tiền Giang

2/ Bị đơn: **Đinh Phú Q**, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T L 1, xã T L Đ, huyện Châu Thành, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Chị và anh Đinh Phú Q cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về cuộc sống, quan điểm, anh Q thường hay uống rượu say, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm cũng như hạnh phúc gia đình nhưng không đạt được kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, nhận thấy không

còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị T yêu cầu:

-Về quan hệ hôn nhân: cho chị được ly hôn với anh Đinh Phú Q.

-Về con chung: có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Nhật S, sinh ngày 22/01/2005 và Đinh Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/4/2008, hiện chị đang nuôi dưỡng cháu V, còn anh Q đang nuôi dưỡng cháu S. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, để anh Q nuôi cháu S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về nợ chung: Không có

**Anh Đinh Phú Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó anh có bản tự khai gửi Tòa án trình bày như sau:*

Anh và chị T cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới thì anh chị sống chung gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Đến khoảng tháng 02/2018 thì giữa chị T và mẹ chồng có cự cãi nhau nên chị T về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Anh và chị T có liên lạc qua điện thoại và có gặp nhau. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng, anh tiếp tục nuôi cháu S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung như đã trình bày. Anh Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đối với đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh Q. Về con chung, giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, giao anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu S không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Đinh Phú Q được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Ngọc T và anh Đinh Phú Q cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2004 tại UBND xã Tân Lý Đông, huyện Châu

Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 178 quyển số 01, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị T trình bày tại phiên tòa thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì có mâu thuẫn do anh Q thường hay nhậu say, không quan tâm chăm sóc đến gia đình và vợ con, chị cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Q không thay đổi. Tháng 02/2018 chị về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã sống ly thân đến nay và anh Q cũng không thay đổi gì. Nay chị không còn tình cảm với anh Q nên chị xin được ly hôn.

Xét thấy, chị T xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn nhưng anh Q không đến Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không thể tiến hành hòa giải giữa anh chị. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn, anh Q không đến Tòa án và vắng mặt không lý do điều này thể hiện anh Q không có ý chí mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn mà để mặc cho chị T quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Q thì được cung cấp là anh Q làm nghề thợ hồ, thường hay nhậu say nên vợ chồng có cãi nhau, hơn một năm nay chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và được biết chị T không đồng ý trở về sống với anh Q nữa.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện giữa chị T và anh Q không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nay chị T xin ly hôn với anh Q là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị T và anh Q có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Nhật S, sinh ngày 22/01/2005 và Đinh Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/4/2008, hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu V, còn anh Q đang nuôi dưỡng cháu S. Chị T và anh Q có ý kiến thống nhất là để chị T được tiếp tục nuôi cháu V, còn anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến về việc nuôi con của chị T và anh Q thấy rằng cháu V đã ở ổn định bên mẹ từ khi anh chị mâu thuẫn sống ly thân cho đến nay, cháu S thì đang ở với anh Q. Cả hai cháu đều được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, cháu S có nguyện vọng tiếp tục ở với cha. Do đó để ổn định cho con trẻ về nơi sinh sống cũng như học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến về việc nuôi con của anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh Q không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản*: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Đinh Phú Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Nguyễn Nhật S, sinh ngày 22/01/2005 cho anh Đinh Phú Q tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/4/2008 cho chị Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đinh Phú Q và chị Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0009843 ngày 03/6/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh